Số: 1206/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-10-26T11:21:29+07:00

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk

(Thực hiện theo Bản án hành chính số 199/2025/HC-ST, ngày 24/9/2025 của Tòa án Nhân Dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính số 157/2026/HC-PT, ngày 8/5/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Đặng Văn Linh)

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã Ea Ô

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tỷ lệ % còn lại	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH 461/QĐ-UBND ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**										
1	**Hộ ông: ĐẶNG VĂN LINH (vợ là: Long Thị Thủy). Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**109.227.000**	
a	**Hỗ trợ về đất**									**109.227.000**	
	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 47/10	2009		m2	2.451,90	2.451,90	20.000	50%	24.519.000	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 67/10	2009		m2	8.470,80	8.470,80	20.000	50%	84.708.000	
II	**THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 461/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:**										
1	**Hộ ông: ĐẶNG VĂN LINH (vợ là: Long Thị Thủy). Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk**									**174.763.200**	
a	**Hỗ trợ về đất**						**10.922,70**			**174.763.200**	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 47/10	2000		m2	2.451,90	2.451,90	20.000	80%	39.230.400	
2	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 67/10	2000		m2	8.470,80	8.470,80	20.000	80%	135.532.800	

III	**BẢNG TỔNG HỢP THEO QUYẾT ĐỊNH ĐÃ PHÊ DUYỆT SỐ 03**															
TT	**Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất**	**Số Thửa/Tờ Bản Đồ**	**Thời điểm sử dụng đất**	**Thời gian tạo lập tài sản theo XNNG**	**Phần trăm còn lại của VKT**	**Đơn vị tính**	**Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê**	**Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi**	**Khối lượng chuẩn mật độ**	**Khối lượng vượt mật độ**	**Đơn giá**	**Tỉ lệ hỗ trợ theo mật độ (%)**	**Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)**	**Tỷ lệ hỗ trợ**	**Tổng thành tiền (đồng)**	**Ghi chú**
1	**Hộ ông: ĐẶNG VĂN LINH (vợ là: Long Thị Thủy). Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**														**33.870.720**	Tài sản tạo lập sau thông báo THĐ không BT, HT
a	**Hỗ trợ về đất**														0	
	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 47/10	2009			m2	2.451,90	2.451,90								
	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 67/10	2009			m2	8.470,80	8.470,80								
b	**Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất**														**33.870.720**	
1	Điều thường trồng năm 2000 loại A chuẩn mật độ	Thửa 47/10				Cây	30,00	30,0	30,0		373.750	100%	100%	60%	6.727.500	
2	Điều thường trồng năm 2000 loại B chuẩn mật độ	Thửa 47/10				Cây	5,00	5,0	5,0		299.000	100%	100%	60%	897.000	
3	Điều thường trồng năm 2000 loại C chuẩn mật độ	Thửa 47/10				Cây	2,00	2,0	2,0		209.300	100%	100%	60%	251.160	
4	Điều thường trồng năm 2015 loại A	Thửa 47/10				Cây	8,00				373.750			0%	0	
5	Điều thường trồng năm 2000 loại A chuẩn mật độ	Thửa 67/10				Cây	94,00	94,0	94,0		373.750	100%	100%	60%	21.079.500	
6	Điều thường trồng năm 2000 loại B chuẩn mật độ	Thửa 67/10				Cây	19,00	19,0	19,0		299.000	100%	100%	60%	3.408.600	
7	Điều thường trồng năm 2000 loại C chuẩn mật độ	Thửa 67/10				Cây	12,00	12,0	12,0		209.300	100%	100%	60%	1.506.960	
8	Điều thường trồng năm 2017 loại B	Thửa 67/10				Cây	11,00				299.000			0%	0	
9	Điều thường trồng năm 2020 loại A	Thửa 67/10				Cây	1,00				246.700			0%	0	
10	Chuối không buồng	Thửa 67/10				Cây	185,00				12.000			0%	0	
11	Chuối có buồng	Thửa 67/10				Cây	4,00				70.000			0%	0	
12	Ổi trồng năm 2017	Thửa 67/10				Cây	1,00				186.000			0%	0	
13	Bông gòn trồng năm 2020	Thửa 67/10				Cây	1,00				78.200			0%	0	
14	Cỏ voi	Thửa 67/10				m2	50,00				4.300			0%	0	

IV	**THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 03/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:**															
TT	**Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất**	**Số Thửa/Tờ Bản Đồ**	**Thời điểm sử dụng đất**	**Thời gian tạo lập tài sản theo XNNG**	**Phần trăm còn lại của VKT**	**Đơn vị tính**	**Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê**	**Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi**	**Khối lượng chuẩn mật độ**	**Khối lượng vượt mật độ**	**Đơn giá**	**Tỉ lệ hỗ trợ theo mật độ (%)**	**Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)**	**Tỷ lệ hỗ trợ**	**Tổng thành tiền (đồng)**	**Ghi chú**
1	**Hộ ông: ĐẶNG VĂN LINH (vợ là: Long Thị Thủy). Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk**														**47.833.678**	
a	**Hỗ trợ về đất**														0	
	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 47/10	2000			m2	2.451,90	2.451,90								
	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 67/10	2000			m2	8.470,80	8.470,80								
b	**Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất**														**47.833.678**	
1	Điều thường trồng năm 2000 loại A chuẩn mật độ	Thửa 47/10				Cây	30,00	30,00	30,00		373.750	100%	100%	80%	8.970.000	
2	Điều thường trồng năm 2000 loại B chuẩn mật độ	Thửa 47/10				Cây	5,00	5,00	5,00		299.000	100%	100%	80%	1.196.000	

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk

(Thực hiện theo Bản án hành chính số 199/2025/HC-ST, ngày 24/9/2025 của Tòa án Nhân Dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính số 157/2026/HC-PT, ngày 8/5/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Đặng Văn Linh)

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã Ea Ô

3	Điều thường trồng năm 2000 loại C chuẩn mật độ	Thửa 47/10				Cây	2,00	2,00	2,00		209.300	100%	100%	80%	334.880	
4	Điều thường trồng năm 2015 loại A	Thửa 47/10				Cây	8,00	8,00	8,00		373.750	100%	100%	30%	897.000	
5	Điều thường trồng năm 2000 loại A chuẩn mật độ	Thửa 67/10				Cây	94,00	94,00	94,00		373.750	100%	100%	80%	28.106.000	
6	Điều thường trồng năm 2000 loại B chuẩn mật độ	Thửa 67/10				Cây	19,00	19,00	19,00		299.000	100%	100%	80%	4.544.800	
7	Điều thường trồng năm 2000 loại C chuẩn mật độ	Thửa 67/10				Cây	12,00	12,00	12,00		209.300	100%	100%	80%	2.009.280	
8	Điều thường trồng năm 2017 loại B	Thửa 67/10				Cây	11,00	11,00	11,00		299.000	100%	100%	30%	986.700	
9	Điều thường trồng năm 2020 loại A	Thửa 67/10				Cây	1,00	1,00	1,00		246.700	100%	100%	30%	74.010	
10	Chuối không buồng	Thửa 67/10				Cây	185,00	185,00	185,00		12.000	100%	80%	30%	532.800	
11	Chuối có buồng	Thửa 67/10				Cây	4,00	4,00	4,00		70.000	100%	80%	30%	67.200	
12	Ổi trồng năm 2017	Thửa 67/10				Cây	1,00	1,00	1,00		186.000	100%	80%	30%	44.640	
13	Bông gòn trồng năm 2020	Thửa 67/10				Cây	1,00	1,00	1,00		78.200	100%	80%	30%	18.768	
14	Cỏ voi	Thửa 67/10				m2	50,00	50,00	50,00		4.300	100%	80%	30%	51.600	

TT	Loại đất	Đơn vị	Diện tích
1	Đất trồng cây lâu năm	m2	10.922,7
Tổng diện tích thu hồi		**m2**	**10.922,7**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số tiền
1	Hỗ trợ về đất	đồng	174.763.200
2	Hỗ trợ về cây trồng	đồng	47.833.678
3	**Tổng số tiền hộ Đặng Văn Linh sau khi lập lại theo bản án**	**đồng**	**222.596.878**
4	**Số tiền đã phê duyệt tại QĐ 461**	**đồng**	**109.227.000**
5	**Số tiền đã phê duyệt tại QĐ 03**	**đồng**	**33.870.720**
6	**Số tiền chênh lệch**	**đồng**	**79.499.158**